

**BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG**

Tháng 02 (Đợt 2)

1. **Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. **Ngày quan trắc:** 19 – 20/02/2024

**Ngày cung cấp TT:** 21/02/2024

3. **Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Liên Mạc	Công Liên Mạc 1 mở 1 cửa, Liên Mạc 2 mở thông.
2	3	Đập Hà Đông	Đập mở.
3	6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đập mở thông.
4	8	Đập Nhật Tựu	Đập mở hé.
5	9	Công Lương Cổ	Công mở thông.
6	13	Đập Thanh Liệt	Đập đóng.
7	14	Kênh Xuân La	Công mở.
8	15	Kênh Phú Đô	Công đóng.
9	16	Kênh tiêu Trung Văn	Công mở hé.
10	21	Kênh Yên Xá	Công mở hé.
11	23	Kênh Hòa Bình	Công đóng.

**4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 23 vị trí.

**5. Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.

**Người cung cấp thông tin:** Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng.

**6. Đơn vị nhận thông tin:** Cục Thủy lợi, công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ, công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nội, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

### Bảng tóm tắt:

*Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:*

*A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Không có vị trí nào.*

*B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Phú Lý – cầu Phú Văn.*

*C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Cầu Thân, Đập Nhật Tựu, Cống Lương Cổ, Kênh Duy Tiên, Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà - Thương Tín, Kênh Hòa Bình.*

*D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên, Cống Liên Mạc, Đập Đồng Quan (Thượng lưu), Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu.*

**Không đạt mức D:** Cầu Diên, Đập Hà Đông, Cầu Tô, Cầu Xém, Sông Đám, Sông Cầu Ngà, Đập Thanh Liệt, Kênh Xuân La, Kênh Phú Đô, Kênh tiêu Trung Văn, Cầu Am, Kênh La Khê, Kênh Yên Xá.

Mở các đập trên dòng chính sông Nhuệ thoát nước lưu ra sông Đáy. Tận dụng mực nước trên sông cao, tăng cường khả năng lấy nước vào hệ thống qua cống Liên Mạc và cống Tắc Giang nhằm tăng khả năng tự làm sạch trong hệ thống.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Cổng Liên Mạc	Đánh giá chất lượng nước vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ.	Trời mưa phùn, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 100%, mật độ mây 75%, gió BTB 13 km/h.  Dòng chảy chậm ngược ra sông Hồng. Cổng Liên Mạc 1 mở 1 cửa, Liên Mạc 2 mở thông, mực nước thấp. Nước màu xanh.	8.2	15	3.6	0.4	2.145	3.038	578	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
2	Cầu Diễn	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của Sông Đăm, kênh Xuân La vào.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 100%, gió TB 13 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước trung bình. Nước màu xanh đen.	7.08	20	1.3	0.5	8.236	1.845	569	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
3	Đập Hà Đông	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của sông Đám, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 100%, gió TB 12 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mở, mực nước trung bình. Hai bên sông có nhiều rác. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.14	29	0.72	0.6	29.215	3.510	820	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
4	Cầu Tó	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước thải từ kênh Yên Xá, sông	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 97%, gió TB 11 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp, hai bên sông có nhiều rác thải. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.08	39	0.47	0.6	33.333	2.318	894	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Tô Lịch qua đập Thanh Liệt.									
5	Cầu Xém	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 56%, mật độ mây 69%, gió TB 16 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước thấp. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.16	24	1.12	0.6	27.739	3.488	832	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận nước từ nhánh sông Tô Lịch	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 41%, mật độ mây 41%, gió TB 22 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mở thông, mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.	7.17	65	3.78	0.5	8.936	2.903	618	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		tại Khánh Hà, Thường Tín và kênh Vân Đình vào.									
7	Cầu Thần	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ. Vị trí này trước điểm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.	Trời nắng, nhiệt độ 34°C, độ ẩm 44%, mật độ mây 20%, gió TB 25 km/h.  Dòng chảy rất chậm về hạ lưu, mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	7.49	20	4.26	0.4	2.797	3.533	520	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
8	Đập Nhật Tựu	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí lấy mẫu ở thượng lưu	Trời nắng, nhiệt độ 33°C, độ ẩm 45%, mật độ mây 20%, gió BĐB 25 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, cống mở hé	7.11	19	4.56	0.3	1.391	2.813	579	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		đập.	tiêu nước. thượng lưu đôn nhiều bèo. Nước màu xanh lục.								đạt mức B
9	Công Lương Cỏ	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí công.	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 42%, mật độ mây 40%, gió TB 20 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, cống mở thông, mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	7.09	22	4.96	0.3	0.979	2.408	562	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
10	Phù Lý – cầu Phù Vân	Đánh giá chất lượng nước tại điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu vào sông Đáy.	Trời nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 42%, mật độ mây 40%, gió TB 20 km/h.  Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Đáy. Mực nước trung bình. Trên sông có nhiều bèo. Nước màu xanh	6.89	22	5.17	0.3	0.754	1.845	456	Các chi tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B



Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			lục.								
11	Sông Đăm	Đánh giá chất lượng nước trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 100%, mật độ mây 75%, gió BTB 13 km/h.  Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.23	43	1.61	0.6	16.861	2.003	406	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
12	Sông Cầu Ngà	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu Ngà, nhánh nhập lưu sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 100%, gió TB 12 km/h.  Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Nhuệ, mực nước thấp. Nước màu xanh đen.	6.74	39	1.45	0.5	14.452	2.678	745	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
13	Đập Thanh Liệt	Đánh giá chất lượng nước sông Tô Lịch	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 97%, gió	7.28	30	0.46	0.6	37.218	2.813	923	Chi tiêu quan trắc

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		trước khi đổ vào sông Nhuệ.	TB 11 km/h. Không có dòng chảy, đập đóng. Nước màu đen, mùi hôi thối.								hiện trường DO không đạt mức B
14	Kênh Xuân La	Đánh giá chất lượng nước kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 100%, mật độ mây 75%, gió BTB 13 km/h. Dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu, mực nước trung bình, cống mở tiêu nước ra sông Nhuệ. Nước màu vàng xanh, mùi hôi thối.	7.23	31	1.26	0.6	14.685	2.408	810	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
15	Kênh Phú Đô	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của làng bún Phú	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 100%, gió TB 12 km/h. Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Nhuệ. Mực nước thấp, cống	7.02	39	1.23	0.6	20.124	1.620	755	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Đô và khu vực Mỹ Đình.	đóng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xám đen.								
16	Kênh tiêu Trung Văn	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Văn, Mỹ Đình.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 100%, gió TB 12 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp, cống mở hé. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xám đen.	7.11	67	1.06	0.6	27.273	2.903	1096	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
17	Cầu Am	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, không chế nước thải các khu đô thị dọc tuyến	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 97%, gió TB 11 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Khu vực lấy mẫu đã kê xong 1 đoạn	6.97	68	0.76	0.6	36.674	2.723	818	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.	kênh. Dưới kênh có nhiều rác thải. Nước màu đen, mùi hôi thối.								
18	Kênh La Khê	Đánh giá chất lượng nước kênh La Khê trước cống tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối nguồn.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 96%, gió TB 10 km/h.  Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước trung bình. Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.38	30	1.12	0.6	32.556	1.598	778	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và sông Đáy.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 40%, mật độ mây 40%, gió TB 22 km/h.  Dòng chảy chậm về hướng sông Đáy, mực nước thấp. Nước màu nâu đục.	7.22	51	3.59	0.4	3.497	3.128	617	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
20	Kênh Duy Tiên	Đánh giá chất lượng nước kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy Tiên.	Trời nắng, nhiệt độ 34°C, độ ẩm 44%, mật độ mây 20%, gió TB 25 km/h.  Dòng chảy rất chậm từ sông Nhuệ vào. Mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	7.3	27	4.16	0.3	2.082	2.385	677	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
21	Kênh Yên Xá	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước khi đổ ra sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 100%, gió TB 12 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, cống mở hé, mực nước thấp. Nước màu xám đen.	7.06	74	1.08	0.6	16.861	4.613	1016	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
22	Sông Tô Lịch	Đánh giá chất lượng nước	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 56%.	7.3	31	4.85	0.3	0.824	2.408	486	Chi tiêu quan trắc

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà, Thường Tín	nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.	mật độ mây 69%, gió TB 16 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.								hiện trường DO không đạt mức B
23	Kênh Hòa Bình	Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 97%, gió TB 11 km/h.  Không có dòng chảy, mực nước cao, cồng đống. Nước màu xanh lục.	6.84	17	4.8	0.3	1.391	2.858	579	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

*Ghi chú:*

**QCVN 08:2023 Mức A:** Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức B:** Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức C:** Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

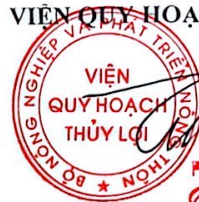
**QCVN 08:2023 Mức D:** Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

**Nơi nhận:**

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ;
- Cty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hà Nam;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nội;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nam;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN, MT.

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2024

**VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**



**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

*Đào Ngọc Tuấn*